

Nội dung hướng dẫn giải Unit 2: My home được chúng tôi biên soạn bám sát bộ sách Tiếng Anh lớp 6 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6.

### *Getting started - tiếng anh 6 mới trang 16 Unit 2 SGK*

#### **1. Listen and read**

Mi: Wow, That room looks so big, Nick. I can see there's a TV behind you.

Nick: Yes, I'm in the living room. Can you see my dog Luke? He's sitting on the sofa.

Mi: Yes, I can. He looks happy.

Nick: Ha ha, he is. Your room looks nice too. Where do you live, Mi?

Mi: I live in a town house. It's near the city centre and it's very noisy. How about you? Where do you live?

Nick: I live in a country house. Who do you live with?

Mi: I live with my father, mother and younger brother. We are moving to an apartment next month.

Nick: Are there many rooms in your new apartment?

Mi: Yes, there are. There's a living room, three bedrooms, a kitchen and two bathrooms. The kitchen is next to the living room.

(Sound of shouting)

Nick: Oh, that's my mum. I'd better go. It's dinner time. Bye, see you soon.

a. Which family members does Mi talk about?

grandparents

dad

mum

brother

uncle

aunt

cousin

b. Read the conversation again. Complete the sentences.

1. There is a \_\_\_\_\_ and a \_\_\_\_\_ in Nick's living room.

2. Now, Mi lives in a\_\_\_\_\_.

3. Luke likes \_\_\_\_\_.

4. Mi thinks living near the city centre is \_\_\_\_\_.

5. Mi's new home has\_\_\_\_\_ bedrooms.

### Hướng dẫn:

1. Nghe và đọc.

Các em mở CD lên luyện nghe và tập đọc lại nhiều lần để nắm vững nội dung bài đàm thoại. Chú ý nhớ những ý chính trong bài đàm thoại giữa Mi và Nick.

Mi: Wow. Căn phòng đó trông thật lớn, Nick à. Mình có thể thấy có một ti vi phía sau cậu.

Nick: Ừ, mình đang ở trong phòng khách. Cậu có thấy con chó Luke của mình không? Nó đang ngồi trên sofa.

Mi: Có. Nó trông thật vui.

Nick: Ha ha, nó đấy. Phòng cậu trông cũng đẹp đấy. Cậu sống ở đâu vậy, Mi?

Mi: Mình sống trong một ngôi nhà phố. Nó gần trung tâm thành phố và rất ồn ào. Còn cậu thì sao? Cậu sống ở đâu?

Nick: Mình sống trong một ngôi nhà ở miền quê. Cậu sống cùng với ai vậy?

Mi: Mình sống cùng với ba, mẹ và em trai. Gia đình mình sẽ dọn đến một căn hộ vào tháng sau.

Nick: Thế à?

Mi: Đúng vậy. Cô mình sống gần đó và mình có thể chơi cùng Vy, em họ mình.

Nick: Có nhiều phòng trong căn hộ mới không?

Mi: Có. Có một phòng khách, ba phòng ngủ, một nhà bếp, hai phòng tắm. Nhà bếp cạnh phòng khách.

(Tiếng gọi)

Nick: Ô, đó là mẹ mình. Mình nên đi đây, đến giờ cơm tối rồi. Tạm biệt, gặp lại cậu sớm.

a) Mi nói đến những thành viên nào trong gia đình?

grandparents (ông bà) dad (ba, bố, cha) ✓

mum (mẹ, má) ✓ brother (em trai) ✓

uncle (chú bác) aunt (cô) ✓

cousin (anh em họ) ✓

b) Đọc bài đàm thoại lại một lần nữa. Hoàn thành các câu sau.

1. Televison (TV); sofa 2. town house

3. sitting on the sofa 4. noisy 5. three

1. Có một ti vi và một ghế sofa trong phòng khách của Nick.
2. Bây giờ Mi đang ở trong một ngôi nhà phố.
3. Luke thích ngồi trên ghế sofa.
4. Mi nghĩ rằng sống ở trung tâm thành phố thì ồn ào.
5. Nhà mới của Mi có 3 phòng ngủ.

**2. Match the prepositions with the pictures.**

Hướng dẫn:

Nối những giới từ với hình ảnh cho phù hợp.

A. on B. next to C. behind D. in

E. in front of F. between G. under

**3. Write a sentence to describe each picture in 2**

Example:

1. The dog is on the chair.

Hướng dẫn:

Viết một câu miêu tả bức tranh trong mục 2.

Các em viết thành câu hoàn chỉnh dựa vào hình ảnh minh họa ở bài tập 2.

1. The dog is on the chair.

2. The dog is next to the bowl.

3. The cat is behind the television.

4. The cat is in the wardrobe.
5. The dog is in front of his house.
6. The cat is between the sofa and the lamb.
7. The cat is under the table.

**4. Look at the picture and write true (T) or false (F) for each sentence. Correct the false ones.**

1. The dog is behind the bed.
2. The school bag is under the table.
3. The picture is between the clocks.
4. The dog is in front of the computer.
5. The cap is under the pillow.
6. The pictures are on the wall.

Hướng dẫn:

Nhìn vào bức tranh và viết đúng (T) hay sai (F) cho mỗi câu. Sửa lại những câu sai.

1. Con chó đứng sau cái giường. (F)

—> The dog is between the bookshelf and the bed.

Con chó nằm giữa cái giường và kệ sách.

2. Cặp đi học bên dưới cái bàn. (T)

3. Bức tranh nằm giữa hai cái đồng hồ. (F)

—> The clock is between the pictures. Đồng hồ nằm giữa hai bức tranh.

4. Con chó nằm trước máy tính. (F)

—>The cat is in front of the computer. Con mèo ở phía trước máy tính.

5. Cái mũ nằm ở dưới cái gối. (F)

—> The cap is next to the pillow. Cái mũ nằm kế bên cái gối.

6. Những bức tranh ở trên tường. (T)

**5. Look at the picture again. Answer the questions.**

1. Where are the books?

2. Where are the clothes?

3. Is the pillow on the bed?

4. Are the notebooks under the bed?

5. Where is the mouse?

6. Is the chair next to the bed?

Hướng dẫn:

Nhìn lại bức tranh. Trả lời các câu hỏi sau.

1. Những cuốn sách nằm ở đâu?

The books (They) are on the desk/ bookshelf.

Những cuốn sách ở trên bàn/ kệ sách.

2. Quần áo ở đâu?

The clothes (They) are on the floor. Quần áo ở trên sàn nhà.

3. Cái gối ở trên giường phải không?

Yes, it is. Vâng, đúng vậy.

4. Những quyển vở nằm dưới giường phải không?

No, they aren't. They're on the bed.

Không phải. Chúng nằm trên giường.

5. Con chuột ở đâu?

It's behind the bookshelf. Nó ở phía sau kệ sách.

6. Cái ghế ở cạnh cái giường phải không?

No, it isn't. It's next to the table. Không phải. Nó ở cạnh cái bàn.

***A closer look 1 - trang 18 Unit 2 SGK tiếng anh 6 mới***

**1. Look at the house below. Name the rooms of the house.**

Hướng dẫn:

Nhìn vào ngôi nhà bên dưới. Đặt tên các phòng trong nhà.

a. living room (phòng khách) b. bedroom (phòng ngủ)

c. attic (gác mái) d. bathroom (phòng tắm)

e. kitchen (nhà bếp) f. hall (phòng lớn)